TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/DS-ST
Ngày: 27-02-2026
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm Sát Viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 736/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2026/QĐST- DS ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Trụ sở: 198 đường T, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Giản Đình H là đại diện theo giấy ủy quyền số 47/UQ-TĐN-KHBL ngày 08/11/2024.

Địa chỉ: 72 đường P, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Nam C, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 33/18 đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có ông Giản Đình H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T đã ký 02 Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng với ông Nguyễn Nam C cụ thể như sau:

Hợp đồng thẻ tín dụng số V0370600235, ký ngày 28/5/2020 loại thẻ tín dụng Visa, ngày cấp thẻ 28/5/2020, tài khoản thẻ V0370600235, hạn mức: 50.000.000 đồng, mục đích phục vụ tiêu dùng cá nhân, lãi suất 21 %/năm hiệu lực đến tháng 5 năm 2025.

Sau khi được cấp tín dụng, từ ngày 28/5/2020 đến ngày 27/2/2026 tổng số tiền tạm tính hợp đồng thẻ V0370600235 ông C còn nợ Ngân hàng là 34.955.723 đồng trong đó nợ gốc 24.668.318 đồng, lãi và các khoản phí phát sinh 10.287.405 đồng.

Hợp đồng thẻ tín dụng số VS03702840373, ký ngày 13/12/2022 loại thẻ tín dụng Visa, ngày cấp thẻ 13/12/2022, tài khoản thẻ VS03702840373, hạn mức : 150.000.000 đồng, mục đích phục vụ tiêu dùng cá nhân, lãi suất 18 %/năm hiệu lực đến tháng 12 năm 2027.

Sau khi được cấp tín dụng, từ ngày 13/12/2022 đến ngày 27/02/2026 tổng số tiền tạm tính hợp đồng thẻ VS03702840373 ông Chương còn nợ Ngân hàng là 120.401.144 đồng trong đó nợ gốc 94.312.966 đồng, lãi và các khoản phí phát sinh 26.088.178 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi công văn, liên hệ bằng điện thoại nhưng ông C né tránh, không gặp mặt và không có thiện chí thanh toán nên nay Ngân hàng TMCP N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông C thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính cho đến ngày 27/02/2026 của 02 thẻ tín dụng là:

Hợp đồng thẻ V0370600235 ông C còn nợ Ngân hàng là 34.955.723 đồng trong đó nợ gốc 24.668.318 đồng, lãi và các khoản phí phát sinh 10.287.405 đồng.

Hợp đồng thẻ VS03702840373 ông C còn nợ Ngân hàng là 120.401.144 đồng trong đó nợ gốc 94.312.966 đồng, lãi và các khoản phí phát sinh 26.088.178 đồng.

Việc thanh toán tiền phải thực hiện một lần ngay khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra ông C còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 27/02/2026 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại 02 hợp đồng số V0370600235 ký ngày 28/05/2020 và số VS03702840373 ký ngày 13/12/2022 cho đến khi thanh toán xong hoàn toàn số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP N - chi nhánh T.

Vì đây là khoản tiền vay tiêu dùng cá nhân nên Ngân hàng TMCP N - chi nhánh T chỉ yêu cầu cá nhân ông C là người vay có trách nhiệm thanh toán khoản tiền nợ trên cho Ngân hàng.

Bị đơn – ông Nguyễn Nam C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa

nhưng ông C không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Giản Đình H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Nam C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số nợ tính đến ngày 27/02/2026 là 155.356.867 đồng, trong đó:

Hợp đồng thẻ V0370600235 ông C còn nợ Ngân hàng là 34.955.723 đồng trong đó nợ gốc 24.668.318 đồng, lãi và các khoản phí phát sinh 10.287.405 đồng.

Hợp đồng thẻ VS03702840373 ông C còn nợ Ngân hàng là 120.401.144 đồng trong đó nợ gốc 94.312.966 đồng, lãi và các khoản phí phát sinh 26.088.178 đồng.

- Bị đơn – ông Nguyễn Nam C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký là đúng thủ tục tố tụng quy định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP N khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Nam C theo đó nơi thực hiện hợp đồng là tại Vietcombank - Chi nhánh T, số 72 đường P, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Nam C vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào Hợp đồng thẻ tín dụng số V0370600235, ký ngày 28/5/2020 và Hợp đồng thẻ tín dụng số VS03702840373, ký ngày 13/12/2022 giữa Ngân hàng TMCP N và ông Nguyễn Nam C xác định ông Nguyễn Nam C có sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa do Ngân hàng TMCP N phát hành. Theo đó, ông C được cấp hạn mức sử dụng của 02 hợp đồng thẻ tín dụng tổng cộng là

200.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Lãi và phí áp dụng theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Vietcombank.

Việc thỏa thuận của các đương sự tại các Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng Quốc tế Vietcombank số V0370600235 ngày 28/5/2020, số VS03702840373 ngày 13/12/2022 và bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Ngân hàng TMCP N là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, mức lãi suất thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và Quy chế cho vay số 1627 ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Giao dịch giữa các bên được xác lập trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, hợp pháp nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên đối với nhau.

Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nêu trên, đến tháng 04/2017 ông C đã không trả nợ theo thỏa thuận. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông C vẫn không trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ông C ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền yêu cầu Tòa án buộc ông C trả nợ.

Như vậy, do ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận là vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Nam C phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ tính đến ngày 27/02/2026 tổng cộng là 155.356.867 đồng, trong đó:

Hợp đồng thẻ V0370600235 ngày 28/05/2020 là 34.955.723 đồng. Trong đó: nợ gốc là 24.668.318 đồng, lãi và các khoản phí phát sinh 10.287.405 đồng.

Hợp đồng thẻ VS03702840373 ngày 13/12/2022 là 120.401.144 đồng. Trong đó: nợ gốc là 94.312.966 đồng, lãi và các khoản phí phát sinh 26.088.178 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Nam C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 27/02/2026 bao gồm:

Hợp đồng thẻ V0370600235 ngày 28/05/2020 là 34.955.723 đồng. Trong đó: nợ gốc 24.668.318 đồng, lãi và các khoản phí phát sinh 10.287.405 đồng.

Hợp đồng thẻ VS03702840373 ngày 13/12/2022 là 120.401.144 đồng trong đó: nợ gốc 94.312.966 đồng, lãi và các khoản phí phát sinh 26.088.178 đồng.

Tổng cộng là 155.356.867 (một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng Quốc tế Vietcombank kiêm hợp đồng số V0370600235 ngày 28/5/2020 và số VS03702840373 ngày 13/12/2022 đã ký giữa Ngân hàng TMCP N với ông Nguyễn Nam C và bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank của Ngân hàng TMCP N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Nam C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.767.843 (bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi ba) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm ứng án phí 2.974.532 (hai triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi hai) đồng theo biên lai thu số 0059076 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Nam C được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 1, Tp. HCM;
- THA DS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Bùi Duy